

Số: 1058/TTYT-KD

Yên Lạc, ngày 20 tháng 11 năm 2023

V/v Mời tham gia báo giá vật
tư y tế, sinh phẩm y tế

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Trung tâm y tế huyện Yên Lạc có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu Mua vật tư y tế, sinh phẩm y tế năm 2024 cho Trung tâm y tế huyện Yên Lạc, với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm y tế huyện Yên Lạc

Địa chỉ: Thị trấn Yên Lạc, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Họ tên: Đặng Thị Hạnh

Chức vụ: Phó trưởng khoa Dược- TTB- VTYT

SĐT: 0979478079

Email: khoaduocTTYTYenlac@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Khoa Dược- TTB- VTYT- Trung tâm y tế huyện Yên Lạc, TT Yên Lạc, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 10h00 ngày 20 tháng 11 năm 2023 đến 15h00 ngày 30 tháng 11 năm 2023.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 ngày, kể từ ngày 30 tháng 11 năm 2023.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục mua vật tư y tế, sinh phẩm y tế cho Trung tâm y tế huyện Yên Lạc: Danh mục chi tiết tại *Phụ lục kèm theo*.

2. Kính đề nghị các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam gửi báo giá theo đúng nội dung, thời gian và địa điểm nêu trên.

Xin trân trọng cảm ơn!

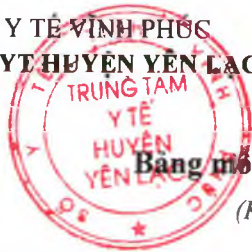
Nơi nhận

- Như trên;
- Webside TTYT Yên Lạc;
- Lưu: KD, HSĐT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hoàng Phương



PHỤ LỤC

Bảng mô tả các tính năng, yêu cầu kỹ thuật cơ bản của vật tư y tế, sinh phẩm y tế

(Kèm theo Văn bản số 1058/TTYT-KD ngày 20/11/2023 của TTYT huyện Yên Lạc)

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật hoặc tương đương	Quy cách tham khảo	Đơn vị tính	Số lượng
Nhóm 1. Dung dịch sát khuẩn, rửa vết thương					
1	Dung dịch rửa tay phẫu thuật. (4%)	Hoạt chất: Chlorhexidine digluconate 4,0 % (w/w); Poly(hexamethylene biguanide) hydrochloride 0,1 % (w/w). Hệ dưỡng ẩm: Glycerine, PEG-7 Glyceryl Cocoate. Chất hoạt động bề mặt: Lauryl amine oxide, Cocamidopropylbetaine (CAB), Decyl glucoside, Cocamidopropyl Amine Oxide, Cocodiethanolamide (CDE)... Chất khóa ion nước cứng: EDTA Disodium	Chai 500ml	Chai	30
2	Dung dịch rửa tay sát khuẩn trong phẫu thuật, rửa tay thường quy	Hoạt chất: Chlorhexidine digluconate 2,0 % (w/w). Hệ dưỡng ẩm: Glycerine, PEG-7 Glyceryl Cocoate. Chất hoạt động bề mặt: Lauryl amine oxide, Cocamidopropylbetaine (CAB), Decyl glucoside... Chất khóa ion nước cứng: EDTA Disodium. Chất làm đặc, hương liệu.	Chai 500ml	Chai	30
3	Gel sát khuẩn tay	Thành phần : 55%tt/tt Ethanol + 15%tt/tt Isopropanol + 0,04%kl/tt Chlorhexidine digluconate	Chai 500ml	Chai	200
4	Cồn 96	Hàm lượng Ethanol 96%	Can 20 lít	Lít	550
5	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao cho dụng cụ y tế	- Dung dịch khử khuẩn mức độ cao, thành phần ORTHO-PHTHALALDEHYDE 0,55%, pH 7.2 - 7.8 - Thời gian ngâm khử khuẩn mức độ cao cho dụng cụ là 5 phút, tái sử dụng trong vòng 14 ngày. Thời gian bảo quản dung dịch trong can là 75 ngày tính từ khi mở nắp. - Không gây ăn mòn dụng cụ, tương thích với nhiều loại dụng cụ và vật liệu (kể cả Polystyrene, Cyanoacrylate), có que thử, dùng được 75 ngày sau khi mở nắp bình. - Diệt được hầu hết các loại vi khuẩn, vi rút, Trùng khuẩn lao (Mycobacterium bovis).	Can 3,78 lít	Can	60
6	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ nhanh	Protease subtilisin: 6,5% w/w Chất hoạt động bề mặt non-ionic: Fatty alcohol alkoxylate 8% w/w, C9-11 Ethoxylate... Chất chống ăn mòn: Benzotriazole. Chất chỉnh pH: Acid citric, Triethanolamine. Chất tạo màu, hương liệu...	Chai 1 lít	Chai	20
7	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng dụng cụ các loại	Hoạt chất: Didecyl dimethyl ammonium chloride (DDAC) 10% (w/w) , Poly(hexamethylenebiguanide) hydrochloride (PHMB) 1,5% (w/w). Chất hoạt động bề mặt: Fatty Alcohol Ethoxylate. Chất khóa ion Mg ²⁺ , Ca ²⁺ : EDTA Tetrasodium. Chất chỉnh pH : Phosphoric acid, Citric Acid. Chất chống ăn mòn, chất tạo màu và hương liệu.	Can 5 lít	Can	3
Nhóm 2. Bột bó, băng, gạc, vật liệu cầm máu, điều trị vết thương					
8	Bột bó 15cmx2,7m	Bột liên gạc, lõi nhựa, vỏ là giấy bạc chống ẩm, gạc: 100% cotton.	Thùng 72 cuộn x 1	Cuộn	750

9	Băng cuộn y tế 10 cm x 5m	Kích thước: 10cm x 5m. Nguyên liệu: 100% sợi cotton Độ lệch, mật độ sợi - Không được lệch quá 5 sợi mỗi bên (trừ 2 – 3 cm cuối cuộn). - Mật độ sợi: Mỗi centimet vuông có ≥ 10 sợi dọc, ≥ 8 sợi ngang. Chỉ có sợi bông, không có loại sợi nào khác. 1.3.4. Giới hạn can nối: Cuộn băng có thể là một mảnh hay hai mảnh nối lại với nhau, đường nối phải chắc. 1.3.5. Tốc độ hút nước: Thời gian chìm trong nước không quá 10 giây. 1.3.6. Mất khối lượng do làm khô: không quá 8,5%	Thùng 50 gói x 20 cuộn	Cuộn	2500
10	Băng cuộn y tế 5cm x 2,5m	Kích thước: 5cm x 2,5m. Nguyên liệu: 100% sợi cotton Độ lệch, mật độ sợi - Không được lệch quá 5 sợi mỗi bên (trừ 2 – 3 cm cuối cuộn). - Mật độ sợi: Mỗi centimet vuông có ≥ 10 sợi dọc, ≥ 8 sợi ngang. Chỉ có sợi bông, không có loại sợi nào khác. 1.3.4. Giới hạn can nối: Cuộn băng có thể là một mảnh hay hai mảnh nối lại với nhau, đường nối phải chắc. 1.3.5. Tốc độ hút nước: Thời gian chìm trong nước không quá 10 giây. 1.3.6. Mất khối lượng do làm khô: không quá 8,5%	Thùng 50 gói x 20 cuộn	Cuộn	1500
11	Băng ròn trẻ sơ sinh	Thành phần: Sợi cotton 100%, đã tiệt trùng bằng khí EO	Gói 1 bộ	Bộ	400
12	Băng dính lụa	Nền bằng vải lụa acetate; keo Acrylate không dung môi; số sợi/cm ² 19x45; độ bám dính 0.4 ± 0.03 kgf/cm; trọng lượng keo 65 ± 5 g/m ² . Độ thoáng khí 500g/m ² /24 giờ. Có kiểm nghiệm chứng nhận không phát hiện formaldehyd, Pb trong băng lụa.. Lõi nhựa liền cánh bảo vệ. kích thước 5cmx5m. Tiêu chuẩn CE 2292, ISO 13485:2016; GMP	Thùng 100 cuộn	Cuộn	800
13	Gạc Phẫu thuật Không dệt 7.5 x 7.5cm x 6 lớp, Vô trùng	Chất liệu: Vải không dệt thấm nước, màu trắng, có độ thấm hút cao. Kích thước: 7,5cm x 7,5cm x 6 lớp.	Gói 5 miếng	Miếng	7500
Nhóm 3. Bơm, kim tiêm, dây truyền, găng tay và các vật tư y tế sử dụng trong chăm sóc người bệnh.					
14	Bơm cho ăn, cỡ 50ml	- Xylanh dung tích 60cc được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. - Bơm có thiết kế có vòng ngón tay cầm giúp cầm chắc chắn, thân xylanh được chia vạch thể tích theo oz và cc. - Đốc xylanh to lắp vừa dây cho ăn và có nắp đậy. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). - Đạt tiêu chuẩn EN ISO 11135: 2014	Hộp/ 25 cái	Cái	50

15	Bơm tiêm 1ml	- Xy lanh dung tích 1ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Gioăng có núm bơm hết hành trình giúp tiêm hết thuốc, đạt khoảng chết $\leq 0.03\text{ml}$, khí và dung dịch tiêm không lọt qua được gioăng. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 25Gx1", 26Gx1/2". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn CE, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485	Hộp/ 100 cái	Cái	12000
16	Bơm tiêm 5ml	- Xy lanh dung tích 5ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Pít tông có khía bề gãy để hủy, không có ba vĩa. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn CE, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014	Hộp/ 100 cái	Cái	200000
17	Bơm tiêm 10ml	- Xy lanh dung tích 10ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Pít tông có khía bề gãy để hủy, không có ba vĩa. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn CE, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014	Hộp/ 100 cái	Cái	65000
18	Bơm tiêm 20ml	- Xy lanh dung tích 20ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Pít tông có khía bề gãy để hủy, không có ba vĩa. - Bề mặt gioăng phẳng giúp bơm hết hành trình của thuốc. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim cỡ 23Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn CE, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014	Hộp/ 50 cái	Cái	15000

19	Bơm tiêm sử dụng một lần 50ml	- Xy lanh dung tích 50ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhân bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy, không có ba vĩa. - Đốc xy lanh nhỏ, gắn chắc chắn với tất cả các cỡ kim, an toàn khi sử dụng. - Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2.8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn CE, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014	Hộp/ 25 cái	Cái	200
20	Kim lấy máu, lấy thuốc các loại, các cỡ	Kim các số G18, G20, G23, Vi định kim có chỉ thị màu phân biệt các cỡ kim. Đạt tiêu chuẩn CE	Hộp/ 100 cái	Cái	17000
21	Kim chích máu các loại, các cỡ	làm bằng thép không rỉ, sắc, được khử trùng	Hộp/ 200 cái	Cái	1000
22	Kim luồn mạch máu số 18-20-22-24	Kim thép, giúp dễ dàng tiêm vào tĩnh mạch nhỏ và giảm rạch da khi tiêm. Công tiêm với van bơm Silicol 1 chiều, có nắp bảo vệ. Hai cánh linh hoạt có rãnh để dễ dàng giữ và bảo vệ vùng chích. Có đồng căn quang đục để phát hiện chụp ảnh phóng xạ chính xác.	Hộp/ 100 cái	Cái	3500
23	Kim luồn tĩnh mạch an toàn số 18-20-22-24	Kim luồn TM có cánh và cửa bơm thuốc, có bốn vạch căn quang trong cannun, catheter chất liệu FEP. Đầu kim 3 mặt vát (1 mặt vát trên, 2 mặt vát dưới), có đầu bảo vệ bằng kim loại dạng lò xo gồm 2 cánh tay đòn bắt chéo nhau bịt đầu kim lại khi đã sử dụng xong. Tốc độ chảy (ml/phút) 24G x 3/4 " (0,7x19 mm) 22ml/min Có chứng nhận phát minh sáng chế.	Hộp/ 50 cái	Cái	500
24	Kim chọc dò gây tê tủy sống	Đầu kim Quinke 3 mặt vát dài 88 mm, 40mm, sắc bén Chuôi kim trong suốt, có phản quang, giúp phát hiện nhanh dịch não tủy chảy ra	Hộp/ 25 cái	Cái	300
25	Kim châm cứu dài	Đường kính: 0.30 mm, dài 150 mm. Kim sử dụng thép y tế không gỉ 06Cr19Ni10 (S304). Có khả năng chống ăn mòn tốt nếu được bảo quản trong điều kiện tiêu chuẩn. Đầu kim được mài sắc, đánh bóng sắc nét, không có vết nhám, rìa, gai hoặc móc. Áp lực chịu tác động của kim: 0.4N - 0.6N - Lực châm: 0.7N - 0.9N Độ cứng của thân kim: (480-650) HV theo thang đo Vickers - Thân kim được cuộn chặt quanh 1 trục gỗ có đường kính gấp 3 lần thân kim, thân kim không bị nứt, gãy hay tách lớp. + Kim đốc đồng	Hộp/ 10 túi x 10 cái	Cái	20000

26	Kim châm cứu ngăn các cỡ	Kim châm cứu vô trùng dùng 1 lần, được khử trùng hợp lệ, đảm bảo độ vô trùng SAL10-6 Kim sử dụng thép y tế không gỉ 06Cr19Ni10 (S304). Có khả năng chống ăn mòn tốt nếu được bảo quản trong điều kiện tiêu chuẩn. Đầu kim được mài sắc, đánh bóng sắc nét, không có vết nhám, rìa, gai hoặc móc. Đầu kim không có bất kỳ đoạn móc hoặc uốn cong nào sau khi tác động mức áp lực và lực châm theo tiêu chuẩn. Áp lực chịu tác động của kim: 0.4N - 0.6N - Lực châm: 0.7N - 0.9N Độ cứng của thân kim: (480-650) HV theo thang đo Vickers Thân kim được cuộn chặt quanh 1 trục gá có đường kính gấp 3 lần thân kim, thân kim không bị nứt, gãy hay tách lớp. Kim đúc thép y tế Đóng gói: 10 túi/hộp, 10 kim/túi Ngày sản xuất và hạn sử dụng được thể hiện trên từng vi. - Đường kính: 0.16-0.45mm - Chiều dài: 13-75mm	Hộp/ 10 túi x 10 cái	Cái	25000
27	Bộ dây truyền dịch kim cánh bướm	Van khoá điều chỉnh, kim chai sản xuất từ hạt nhựa ABS nguyên sinh. Van thoát khí có thiết kế màng lọc khí vô khuẩn. Buồng nhỏ giọt thể tích $\geq 8.5\text{ml}$, có màng lọc dịch $\leq 15\mu\text{m}$. Cổ bầu cao su tiếp thuốc. Dây dẫn cấu tạo từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm dẻo, dai, độ đàn hồi cao, không gây gập khi bảo quản và sử dụng; Độ dài dây truyền $\geq 1500\text{mm}$. Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 3,5x3,5 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng. Dây truyền dịch kèm kim hai cánh bướm 23Gx3/4". Đầu nối Luer lock có cơ chế xoay giúp cho việc gắn kết với kim luôn chắc chắn và dễ thao tác khi sử dụng. Đạt tiêu chuẩn CE ; TCVN 6591-4: 2018; tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485	Kiện/ 500 bộ	Bộ	25000
28	Dây thở oxy người lớn, trẻ em	- Chất liệu nhựa PVC y tế cao cấp, bao gồm dây dẫn và gọng mũi - Không chứa chất DEHP, được tiệt trùng bằng khí EO - Ống dây mềm, chống vặn xoắn. Bề mặt trơn nhẵn. - Ống không bị tác động bởi oxy hay thuốc - Đầu thở mềm, có 2 ống thẳng đưa vào mũi màu trắng trong, không có chất tạo màu - Các cỡ: trẻ sơ sinh, trẻ em và người lớn - Dây dẫn có chiều dài $\geq 2\text{ m}$, lòng ống có khóa chống gập. - Đóng gói 1 cái/ túi và tiệt trùng bằng khí EO	Túi/ 25 cái	Cái	600
29	Dây truyền máu	Dây dài 180cm, màng lọc siêu nhỏ với kích thước lỗ lọc từ 175-210μm. Tốc độ dòng chảy: 20 giọt/mL. Không chứa chất độc hại (nontoxic), không chứa chất gây sốt (non pyrogenic), khóa hãm bằng nhựa trong để quan sát. Chất liệu dây: Vinyl Chloride. Kim truyền không cánh cỡ 18G phủ silicon tạo độ trơn khi đâm kim, thành mỏng cho dòng chảy tối đa, kim vát 3 cạnh, đốc kim trong suốt để quan sát vật lạ xâm nhập. Tiệt trùng bằng khí EO. Có chứng chỉ ISO13485, CE.	Hộp/ 50 bộ	Bộ	30

30	Găng tay khám bệnh các số	Sản xuất từ cao su thiên nhiên, có phủ bột chống dính, không gây kích ứng da, cỡ S và M. Thuận cho cả tay trái và tay phải, dài 240mm. Độ dày tối thiểu 1 lớp: Vùng ngón tay: 0,11 mm đến 0,13mm, Lòng bàn tay: 0.10 mm đến 0,12mm. Lực kéo đứt tối thiểu: Trước già hóa: $\geq 7,0$ N; Sau già hóa: $\geq 6,0$ N. Độ giãn dài tối thiểu khi đứt: Trước già hóa: 650%; Sau già hóa: 500%. Lượng bột bôi trơn (nằm ở mặt trong chiếc găng): $\leq 10\text{mg/dm}^2$. Hàm lượng Protein dưới $200\text{ }\mu\text{g/dm}^2$.	Hộp/ 50 đôi	Đôi	60000
31	Găng tay phẫu thuật	Tiêu chuẩn cơ bản: Bề dày: min 0,18mm, Chiều dài: min 280mm, Chiều rộng lòng bàn tay: Size 61/2: $83\pm 5\text{mm}$, Size 7: $89\pm 5\text{mm}$, Size 71/2: $95\pm 5\text{mm}$. Cường lực khi đứt: Trước khi lão hóa: min 12,5N, Sau lão hóa: min 9,5N. Độ giãn đứt: Trước lão hóa: min 700%, Sau lão hóa: min 550%. Tiêu chuẩn cao: Ngoài tiêu chuẩn cơ bản phải đạt: Lượng bột: max 80mg/đôi . Lượng protein: max $200\mu\text{g/dm}^2$, mức độ nhiễm tĩnh điện dưới 100V. Tiệt trùng bằng khí EO.	Hộp/ 50 đôi	Đôi	5200
32	Găng tay dài vô trùng dùng trong sản khoa	Sản xuất từ cao su thiên nhiên, có phủ bột chống dính, không gây kích ứng da. Được tiệt trùng bằng khí EO, đóng gói mỗi túi/ đôi. Có cỡ 7.0-7.5. Chiều dài: 450, chiều rộng lòng bàn tay size 7: $89\pm 5\text{mm}$, 7.5: $95\pm 5\text{mm}$; cường lực khi đứt trước lão hoá min 12.5N, sau lão hoá min 9.5N. Độ giãn đứt trước lão hoá min 700%, sau lão hoá min 550%. lượng bột max 80mg/đôi . Lượng protein max 200g/dm^2 . TCVN 6344 (ISO 10282:2014). Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015; ISO 13485:2016.	Hộp/ 40 đôi	Đôi	300
33	Túi đựng nước tiểu	- Sản xuất từ nhựa y tế PVC, không độc hại. - Kích cỡ 2000ml, độ dày 1.2mm, phân vạch rõ ràng. Có vạch dung tích mỗi 100ml. Đảm bảo kín không rò rỉ. Có bảng chia vạch nghiêng cho phép theo dõi lượng nước tiểu cực ít (25ml) trong những trường hợp bệnh nhân thiểu niệu. - Van xả thoát đáy chữ T, chống trào ngược, ống đầu vào 90cm. Có quai treo bằng nhựa PVC. - Thân túi có bảng ghi thông tin cơ bản về bệnh nhân: Họ tên, số giường, số phòng. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)	Kiện/ 250 cái	Cái	500
Nhóm 4. Ống thông, ống dẫn lưu, ống nối, dây nối, chạc nối, catheter					
34	Canuyn mayo mở miệng	Chống cắn, chống làm bẹp ống nội khí quản.	Túi 1 cái	Cái	10
35	Khóa ba chạc có dây (Chạc ngã 3 nối bơm tiêm điện)	Khóa ba chạc dây nối 25cm với 1 khóa ren chính và hai khóa ren phụ Mũi tên chỉ hướng dòng chảy Chống nứt gãy rò rỉ khi truyền với dịch nhũ béo hay các loại thuốc Khóa ren dạng đai xoay giúp kết nối chặt chẽ và nhanh chóng Thân khóa bằng chất liệu Polycarbonate trong suốt, tay xoay bằng chất liệu polyethylene, xoay 360 độ không giới hạn Dây nối bằng chất liệu PVC siêu mềm, Không DEHP, thay bằng DEHT an toàn Chịu áp lực lên tới 3bar	Thùng 10 hộp x 50 cái	Cái	250

36	Dây nối bơm tiêm điện	Dây nối bơm tiêm điện dài 75cm Đầu nối vặn xoắn (khóa ren Luer lock) chống rò rỉ, khóa bảo vệ (cap connector), dây nối có khóa áp lực dương chống trào ngược dịch, máu (khóa bấm chặn dòng tức thì) Chất liệu PVC, chống xoắn, không DEHP, thay bằng DEHT an toàn Đường kính ngoài 1.9mm, đường kính trong 0.9mm Thể tích mỗi 0.5ml Chịu áp lực lên tới 3bar	Thùng 8 hộp x 100 cái	Cái	80
37	Dây nối bơm tiêm điện	Dây nối bơm tiêm điện dài 150cm Đầu nối vặn xoắn (khóa ren Luer lock) chống rò rỉ, khóa bảo vệ (cap connector), dây nối có khóa áp lực dương chống trào ngược dịch, máu (khóa bấm chặn dòng tức thì) Chất liệu PVC, chống xoắn, không DEHP, thay bằng DEHT an toàn Đường kính ngoài 1.9mm, đường kính trong 0.9mm Thể tích mỗi 1ml Chịu áp lực lên tới 3bar	Thùng 8 hộp x 100 cái	Chiếc	30
38	Ống đặt nội khí quản có bóng các số từ 2.5 đến 8.5	Chất liệu ống PVC Bóng Hi-Lo có thể tích lớn, áp lực nhỏ. Độ dày bóng 0.051mm, Đường kính bóng 31.5mm Thể tích bóng 21.4ml Áp lực trong bóng 19.4cm H ₂ O Hai vạch đánh dấu phía trên bóng chèn để hỗ trợ định vị ống an toàn. Các ống: 3.0(đường kính ngoài 4.2mm, đường kính bóng 8mm, chiều dài 160mm); 4.0 (đường kính ngoài 5.5mm, đường kính bóng 11mm, chiều dài 200mm); 5.0(đường kính ngoài 6.8mm, đường kính bóng 16 mm, chiều dài 240mm); 5.5(đường kính ngoài 7.5mm, đường kính bóng 17 mm, chiều dài 270mm), 6.0(đường kính ngoài 8.2mm, đường kính bóng 22 mm, chiều dài 280mm); 6,5(đường kính ngoài 8.8mm, đường kính bóng 22 mm, chiều dài 290mm), 7.0(đường kính ngoài 9.6mm, đường kính bóng 25 mm, chiều dài 310mm), 7.5(đường kính ngoài 10.2mm, đường kính bóng 25mm, chiều dài 320mm), 8.0(đường kính ngoài 10.9mm, đường kính bóng 27 mm, chiều dài 320mm).	Hộp 10 cái	Cái	160
39	Ống thông tiểu (Sonde Poley 2 nhánh)	Kích thước bóng: 30cc Các số: 16 (đường kính trong 5.3mm), 18 (đường kính trong 6.0mm), 20 (đường kính trong 6.7mm), 22 (đường kính trong 7.3mm), 24 (đường kính trong 8.0mm), 26 (đường kính trong 8.7mm). Chiều dài 40 cm	Túi 10 cái	Cái	550
40	Ống thông tiểu (Sonde Poley 3 nhánh)	Kích thước bóng: 30cc Các số: 16 (đường kính trong 5.3mm), 18 (đường kính trong 6.0mm), 20 (đường kính trong 6.7mm), 22 (đường kính trong 7.3mm), 24 (đường kính trong 8.0mm), 26 (đường kính trong 8.7mm). Chiều dài 40 cm	Hộp 10 cái	Cái	20
41	Ống thông tiểu (Sonde Nelaton)	Chất liệu: Nhựa PVC	Túi 40 cái	Cái	150
42	Sonde hút nhót có kiểm soát NL+TE	Các số 6-8-10-12-14-16-18. Sản phẩm được kết cấu 02 phần. Khóa van và dây dẫn. Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh không chứa DEHP, nhựa trong, nhãn bóng tránh gây tổn thương, xây xước niêm mạc, đầu dây hút có 2 mắt phụ để hút.	Túi 20 sợi x 25 túi / kiện	Cái	500

43	Sonde cho ăn (sonde dạ dày người lớn)	Các số: 12 (đường kính trong 4.0mm); 14 (đường kính trong 4.7mm), 16(đường kính trong 5.3mm), 18 đường kính trong 6.0mm), dài 125cm, vạch đánh dấu tại 45, 55, 65, 75 cm, có 4 mắt phụ, đầu ống được mài nhẵn có đường cân quang chạy dọc thân ống. Chất liệu PVC mềm, dẻo, trơn giảm tổn thương niêm mạc	Hộp 25 cái	Cái	120
Nhóm 5. Kim khâu, chỉ khâu, dao phẫu thuật.					
44	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi , số 1	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi thành phần Polyamide, số 1, dài 75cm, kim tam giác ngược, 3/8 vòng tròn dài 30mm, làm bằng thép không gỉ AISI 300 series (304) theo tiêu chuẩn ASTM f899-20 cho dụng cụ phẫu thuật và được đánh bóng để đạt độ nhám bề mặt $\leq 0,4$ Ra, phủ silicon giúp tăng hiệu suất thấm nhập và giảm sự kéo xé mô. Lực căng kéo nút thắt 50.33N. Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO.	Hộp 36 sợi	Sợi	60
45	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi , số 2/0	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamide, số 2/0, dài 75cm, kim tam giác, 3/8 vòng tròn dài 24mm. Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO.	Hộp 36 sợi	Sợi	84
46	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi , số 3/0	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamide, số 3/0, dài 75cm, kim tam giác, 3/8 vòng tròn dài 24mm. Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO.	Hộp 36 sợi	Sợi	200
47	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi , số 4/0	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamide, số 4/0, dài 75cm, kim tam giác, 3/8 vòng tròn dài 19mm. Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO.	Hộp 36 sợi	Sợi	108
48	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi , số 5/0	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamide, số 5/0, dài 75cm, kim tam giác, 3/8 vòng tròn dài 16mm. Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO.	Hộp 36 sợi	Sợi	108
49	Chỉ Catgut Cromic tiêu chậm số 1/0 hoặc tương đương	(Chromic Catgut) số 1, dài 75 cm, kim tròn 1/2c; Tiêu chuẩn ISO	Hộp 12 sợi	Sợi	180
50	Chỉ Catgut Cromic tiêu chậm số 2/0 hoặc tương đương	(Chromic Catgut) số 2/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c. Tiêu chuẩn ISO	Hộp 12 sợi	Sợi	156
51	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi Polyglycolic acid, số 1	Chỉ khâu tiêu trung bình đa sợi thành phần Polyglycolic acid cấu tạo từ Lactomer, bao phủ bằng copolymer của Caprolacton/ glycolide/ calcium stearoyl lactylate. Chỉ số 1, dài 90cm, kim tròn đầu nhọn 40mm, kim cong 1/2 vòng tròn. Sợi chỉ đạt lực khôe nút buộc ban đầu bằng 140% tiêu chuẩn dược điển Mỹ. Đạt tiêu chuẩn FDA.	Hộp 12 sợi	Sợi	204
52	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi Polyglycolic acid, số 2/0	Chỉ khâu tiêu trung bình đa sợi thành phần Polyglycolic acid cấu tạo từ Lactomer, bao phủ bằng copolymer của Caprolacton/ glycolide/ calcium stearoyl lactylate. Chỉ số 2/0, dài 75cm, kim tròn đầu nhọn 26mm, kim cong 1/2 vòng tròn. Sợi chỉ đạt lực khôe nút buộc ban đầu bằng 140% tiêu chuẩn dược điển Mỹ. Đạt tiêu chuẩn FDA.	Hộp 12 sợi	Sợi	300
53	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi Polyglycolic acid, số 3/0	Chỉ khâu tiêu trung bình đa sợi thành phần Polyglycolic acid cấu tạo từ Lactomer, bao phủ bằng copolymer của Caprolacton/ glycolide/ calcium stearoyl lactylate. Chỉ số 3/0, dài 75cm, kim tròn đầu nhọn 26mm, kim cong 1/2 vòng tròn. Sợi chỉ đạt lực khôe nút buộc ban đầu bằng 140% tiêu chuẩn dược điển Mỹ. Đạt tiêu chuẩn FDA.	Hộp 12 sợi	Sợi	108

54	Chi tiêu tổng hợp đa sợi Polyglycolic acid, số 4/0	Chỉ khâu tiêu trung bình đa sợi thành phần Polyglycolic acid cấu tạo từ Lactomer, bao phủ bằng copolymer của Caprolacton/ glycolide/ calcium stearoyl lactylate. Chỉ số 4/0, dài 75cm, kim tròn đầu nhọn 20mm, kim cong 1/2 vòng tròn. Sợi chỉ đạt lực khỏe nút buộc ban đầu bằng 140% tiêu chuẩn được điển Mỹ. Đạt tiêu chuẩn FDA.	Hộp 12 sợi	Sợi	108
55	Chi tiêu tổng hợp đa sợi Polyglycolic acid, số 5/0	Chỉ khâu tiêu trung bình đa sợi thành phần Polyglycolic acid cấu tạo từ Lactomer, bao phủ bằng copolymer của Caprolacton/ glycolide/ calcium stearoyl lactylate. Chỉ số 5/0, dài 75cm, kim tròn đầu nhọn 17mm, kim cong 1/2 vòng tròn. Đạt tiêu chuẩn FDA.	Hộp 12 sợi	Sợi	108
56	Lưỡi dao mổ sử dụng một lần các số	Chất liệu thép không gỉ. Các số 10, 11, 12, 15, 20, 21, 22. Đóng gói 1x100 cái/hộp.	Hộp 12 sợi	Cái	2500
Nhóm 6. Các loại vật tư y tế sử dụng trong một số chuyên khoa và một số vật tư tiêu hao khác					
57	Sonde JJ số 8 Fr loại đặt 1-3 tháng	* Sonde JJ gồm: - Ống thông: chất liệu polyurethane (PU): Tecoflex, màu trắng, vạch chỉ thị màu đen - Que đẩy: chất liệu polypropylen (PP), màu đỏ, dài 35-100cm - Chỉ ở đầu xa; chất liệu Nylon - Kẹp chất liệu Acetal, màu xanh * Kích cỡ: 8Fr, dài 12-30cm ; * Hai đầu mờ, có khả năng chống xoắn; cân quang tốt, vạch chỉ thị sắc nét * Tiệt trùng bằng EO * Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE	túi 1 cái	cái	5
58	Sonde JJ số 7 Fr loại đặt 1-3 tháng	* Sonde JJ gồm: - Ống thông: chất liệu polyurethane (PU): Tecoflex, màu trắng, vạch chỉ thị màu đen - Que đẩy: chất liệu polypropylen (PP), màu đỏ, dài 35-100cm - Chỉ ở đầu xa; chất liệu Nylon - Kẹp chất liệu Acetal, màu xanh * Kích cỡ: 7Fr, dài 12-30cm ; * Hai đầu mờ, có khả năng chống xoắn; cân quang tốt, vạch chỉ thị sắc nét * Tiệt trùng bằng EO * Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE	túi 1 cái	Cái	50
59	Sonde JJ số 6 Fr loại đặt 1-3 tháng	* Sonde JJ gồm: - Ống thông: chất liệu polyurethane (PU): Tecoflex, màu trắng, vạch chỉ thị màu đen - Que đẩy: chất liệu polypropylen (PP), màu đỏ, dài 35-100cm - Chỉ ở đầu xa; chất liệu Nylon - Kẹp chất liệu Acetal, màu xanh * Kích cỡ: 6Fr, dài 12-30cm ; * Hai đầu mờ, có khả năng chống xoắn; cân quang tốt, vạch chỉ thị sắc nét * Tiệt trùng bằng EO * Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE	túi 1 cái	Cái	50
60	Nẹp bản nhô các cỡ (Nẹp xương cẳng tay)	Dày 2,5mm; rộng 9,5mm Có 4/5/6/7/8/9/10 lỗ Đạt tiêu chuẩn ASTM-F543; ISO 13485:2016; CE Chất liệu thép không gỉ (C: 0,03; Si: 0,37; Mn: 2,0; P: 0,045; S: 0,03; Ni: 14,27; Cr: 17,52; Fe: 62,8)	Túi 1 cái	Cái	30

61	Nẹp bán hẹp các cỡ (Nẹp xương cánh tay, cẳng chân)	Dây 4,0mm; rộng 12,0mm Có 6/7/8/9/10/12/14 lỗ Đạt tiêu chuẩn ASTM-F543; ISO 13485:2016; CE Chất liệu thép không gỉ (C: 0,03; Si: 0,37; Mn: 2,0; P: 0,045; S: 0,03; Ni: 14,27; Cr: 17,52; Fe: 62,8)	Túi 1 cái	Cái	30
62	Nẹp bán rộng các cỡ (Nẹp xương đùi, cẳng chân)	Dây 5,0mm; rộng 16,0mm Có 4/5/6/7/8/10/12/16/18 lỗ Đạt tiêu chuẩn ASTM-F543; ISO 13485:2016; CE Chất liệu thép không gỉ (C: 0,03; Si: 0,37; Mn: 2,0; P: 0,045; S: 0,03; Ni: 14,27; Cr: 17,52; Fe: 62,8)	Túi 1 cái	Cái	30
63	Vít xương cứng đường kính 3.5mm các cỡ	Dài 10-50mm với bước tăng 2mm; 55-100mm với bước tăng 5mm Đường kính mũ vít: 6,0mm; Đường kính lõi vít: 2,5mm; Đường kính thân ren: 3,5mm Đạt tiêu chuẩn ASTM-F543; ISO 13485:2016; CE Chất liệu thép không gỉ (C: 0,03; Si: 0,37; Mn: 2,0; P: 0,045; S: 0,03; Ni: 14,27; Cr: 17,52; Fe: 62,8)	Túi 1 cái	Cái	200
64	Vít xương cứng đường kính 4.5mm các cỡ	Dài 14-50mm với bước tăng 2mm; 55-120mm với bước tăng 5mm Đường kính mũ vít: 8,0mm; Đường kính lõi vít: 3,5mm; Đường kính thân ren: 4,5mm Đạt tiêu chuẩn ASTM-F543; ISO 13485:2016; CE Chất liệu thép không gỉ (C: 0,03; Si: 0,37; Mn: 2,0; P: 0,045; S: 0,03; Ni: 14,27; Cr: 17,52; Fe: 62,8)	Túi 1 cái	Cái	200
65	Nẹp cổ cứng H1	Làm từ chất liệu mút mật độ cao EVA và Có khóa Velcro, thiết kế gồm 2 mảnh riêng biệt. Hỗ trợ sơ cứu chấn thương đốt sống cổ, treo cổ hoặc cẳng cổ quá mức, hỗ trợ sau phẫu thuật đốt sống cổ.	Túi 1 cái	Cái	20
66	Áo cột sống	Làm từ vải cotton, vải không dệt, vải có lỗ thoáng khí. Có khóa Velcro và các nẹp hợp kim nhôm thiết kế định hình và phân bố phù hợp theo tư thế điều trị. Dùng sơ cứu chấn thương cột sống, hỗ trợ sau phẫu thuật cột sống, bệnh lý cột sống như lao cột sống, xẹp các đốt sống.	Túi 1 cái	cái	10
67	Băng dính	Vải lụa Taffeta trắng, 100% sợi cellulose acetate, số sợi 44x19,5 sợi/cm, keo Zinc oxide không dùng dung môi phù đều, trọng lượng của khối phủ 50-60 g/m2, lực dính 1,8-5,5 N/cm. Lõi nhựa liền cánh bảo vệ. Tiêu chuẩn CE- EU, đc tối thiểu 2 nước cấp CFS Lưu hành tại châu Âu	hộp 1 cuộn	Cuộn	1200
68	Bộ xi lanh (cho máy bơm tiêm cân quang 1 nòng)	1 Đầu nối dạng xoắn 150cm, áp lực 350psi dùng cho CT 1 nòng	hộp 1 bộ	Bộ	5
69	Bộ xi lanh 200ml dùng cho máy bơm tiêm điện	Bộ gồm 1 xi lanh 200ml, 1 đầu nối 150cm CT, 1 ống lấy thuốc nhanh. Cao su đàn hồi không chứa latex Đạt chất lượng iso 13485	hộp 1 bộ	Bộ	10
70	Van hút máy nội soi tiêu hóa	Van hút, không chứa chất bôi trơn, tương thích với ống nội soi dạ dày, đại tràng, tá tràng hãng Olympus	hộp 1 chiếc	chiếc	3
71	Van khí nước máy nội soi tiêu hóa	Van khí nước, không chứa chất bôi trơn, tương thích với ống nội soi dạ dày, đại tràng, tá tràng hãng Olympus	hộp 1 chiếc	chiếc	3
72	Nút cao su kênh sinh thiết	Van sinh thiết, chất liệu cao su, tương thích với ống nội soi dạ dày, đại tràng, tá tràng, siêu âm	hộp 1 chiếc	chiếc	5
73	Kìm sinh thiết có lỗ bên, dùng một lần	Vỏ ngoài có gờ, ngàm oval, cơ chế ngàm xoay, đầu có lỗ, vỏ ngoài được đánh dấu bằng màu sắc. Đường kính kênh làm việc tối thiểu: 2.8mm. Chiều dài làm việc: 1550mm	hộp 1 chiếc	chiếc	3
74	chổi cọ máy nội soi	Đường kính kênh dụng cụ 2.0 - 4.2mm, tương thích cho tất cả ống nội soi dạ dày, đại tràng, tá tràng	hộp 1 chiếc	chiếc	3

75	Dây bơm máy xét nghiệm huyết học	Dây bơm nhựa, dùng phù hợp với máy xét nghiệm huyết học tại bệnh viện.	Túi 1 cái	Cái	4
76	Dây bơm máy sinh hóa	Dây bơm dùng phù hợp với máy xét nghiệm sinh hóa tại bệnh viện.	túi 2 cái	Cái	4
77	Bóng đèn máy sinh hoá	Dùng cho máy phân tích sinh hóa AU480, công suất: 12V	hộp 1 cái	Cái	5
78	Que gỗ bet tiết trùng Spatula (XNPAP)	Sản Phẩm được làm bằng gỗ thông tự nhiên đã trích nhựa, có màu ngà, mùi gỗ thông tự nhiên không ngấm tẩm hóa chất, được tiệt trùng hoàn toàn bằng cách chiếu xạ tia Gamma sau khi đã hoàn thành đóng gói. Sản phẩm có hình dáng giống chiếc xương gà với hai đầu khác nhau tùy theo nhu cầu sử dụng. Công dụng: dùng để lấy mẫu niêm mạc tế bào cổ tử cung trong xét nghiệm Pap.	hộp 100 cái	Cái	2000
79	Ống nghiệm máu nhựa (5ml)	Ống nghiệm nhựa có nắp, thể tích: 5ml	túi 100 ống	Ống	5000
80	Ống nghiệm lấy máu EDTA	Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP, kích thước ống 12x75mm, Nắp bằng nhựa LDPE màu xanh dương. Hóa chất bên trong là Ethylenediaminetetra Acid (EDTA K2) với nồng độ tiêu chuẩn để giữ các tế bào trong máu nhất là tiểu cầu luôn ở trạng thái tách rời tối đa từ 6 - 8 giờ. Dùng trong xét nghiệm huyết học (công thức máu và xét nghiệm HbA1c...). Hóa chất bên trong dùng kháng đông cho 2ml máu với vạch lấy mẫu 2ml riêng biệt trên nhãn ống. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485, CE	hộp 100 ống	Ống	20000
81	Ống nghiệm lấy máu Heparin	Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP, kích thước ống 12x75mm, Nắp bằng nhựa LDPE màu đen. Hóa chất bên trong là chất kháng đông Heparine Lithium. Dùng để tách huyết tương làm xét nghiệm điện giải đồ (Na ⁺ , K ⁺ , Cl ⁻ ... trừ Li ⁺), khí máu. Ngoài ra còn sử dụng cho các xét nghiệm sinh hóa đặc biệt là NH3 và định lượng Alcool trong máu. Hóa chất bên trong dùng kháng đông cho 2ml máu với vạch lấy mẫu 2ml riêng biệt trên nhãn ống. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485, CE	hộp 100 ống	Ống	30000
82	Ống nghiệm lấy máu ESR Sodium Citrate 3.8%	Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP, kích thước ống 12x75mm, Nắp bằng nhựa LDPE màu xanh lá. Hóa chất bên trong là Sodium Citrate nồng độ 3.8%. Dùng trong xét nghiệm hồng cầu lắng. Hóa chất bên trong dùng kháng đông cho 2ml máu với vạch lấy mẫu 2ml riêng biệt trên nhãn ống. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485, CE	hộp 100 ống	Ống	1200
83	Ống nghiệm nước tiểu thủy tinh (15 ml)	Chất liệu: Thủy tinh Kích thước: size Ø18mm – chiều dài 180mm – độ dày 0.8mm	Túi 100 cái	Cái	5000
84	Pipet nhựa	Pipet nhựa 3ml	Túi 300 cái	Cái	2000
85	Dầu soi kính hiển vi	Dầu soi kính hiển vi	lọ 10ml	ml	500
86	Mẫu Cup 0.5ml	Cốc đựng mẫu dung tích mẫu 0.5ml. Được sử dụng cùng với máy ly tâm trong các thí nghiệm vi sinh trong sinh học phân tử	Túi 200 cái	Cái	2000
87	Mẫu Cup 3ml	Cốc đựng mẫu dung tích mẫu 3 ml. Được sử dụng cùng với máy ly tâm trong các thí nghiệm vi sinh trong sinh học phân tử	Túi 200 cái	Cái	3000
88	Bóng đèn mổ	Phù hợp với đèn mổ đang sử dụng tại bệnh viện	hộp 20 cái	Cái	15

89	Bóng đèn cực tím	- Tiết trùng, chống nấm, - Triệt tiêu vi khuẩn có hại, chống loại các loại kí sinh nguy hiểm, - Làm sạch không khí trong phòng (trừ bụi). Kích thước: 45, 60, 90, 120cm	hộp 1 cái	Cái	15
90	Bóng đèn nội soi	24V-250W	hộp 1 cái	Cái	10
91	Na+ electrode	Điện cực Na, chứa đường ống thủy tinh đặc biệt nhạy với ion Na, Phù hợp với máy điện giải của đơn vị	hộp 1 cái	cái	2
92	K+ electrode	Điện cực K, chứa đường ống nhựa, ionophores trung tính, Phù hợp với máy điện giải của đơn vị	hộp 1 cái	cái	2
93	Cl- electrode	Điện cực Cl, chứa đường ống nhựa, đặc biệt nhạy với Cl, phù hợp với máy điện giải của đơn vị	hộp 1 cái	cái	2
94	Acid citric	Acid hữu cơ C6H8O7	bao 25 kg	Kg	300
95	Acid Peracetic	hóa chất là hợp chất của Peracetic Acid		Lít	180
96	Bông y tế	100% bông xơ tự nhiên có tính thấm hút tốt, đóng gói ≥1Kg	túi 1kg	Kg	200
97	Gạc hút y tế	Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao. Không có hóa chất tẩy trắng, không có độc tố, đã được giặt sạch. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Độ pH: trung tính. Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép.	Bao 1000m	Mét	22000
Nhóm 7. Nhóm que thử, test thử					
98	Que thử đường huyết	test đóng gói rời từng cái, tự mã hóa - không cần cài đặt Code. Cho kết quả chính xác, không bị ảnh hưởng đường Malto và oxy hòa tan, sử dụng men GDH - FDA với hiệu chỉnh Hct từ 0% - 70%. Cho kết quả sau 5 giây, thể tích mẫu máu 1,1µl. Có thể đo nồng độ đường trong mẫu toàn phần từ mẫu máu mao mạch, động mạch, tĩnh mạch và trẻ sơ sinh.	Hộp 50 test	test	1200
99	Test thử nước tiểu 10 thông số	- Các chỉ số đo: Glucose, Bilirubin, Ketone, pH, Blood, Protein, Nitrite, Urobilinogen, Leukocyte, SG. - Dải đo của các chỉ số: Protein: 15-30mg/dL albumin Blood: 0.015-0.062mg/dL hemoglobin Leukocyte: 5-15 Nitrite: 0.06-0.1mg/dL nitrite ion Glucose: 75-125mg/dL Ketone: 5-10mg/dL acetoacetic acid pH: 4.6- 8.0 SG: 1.001-1.035 Bilirubin: 0.4-0.8mg/dL Urobilinogen: 0.2EU/dL - Trên thanh thử có miếng dẫn (ID band) có tác dụng kích hoạt kiểm tra tự động. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	100 test/hộp	Que	50000
100	Que thử ma túy 4 chân	test thử xét nghiệm định tính Amphetamine, Methamphetamine, Morphine và Marijuana (THC) trong nước tiểu người khi nồng độ và/ hoặc chất chuyển hóa của chúng vượt ngưỡng phát hiện tương ứng.	25 test/Hộp	Test	1500
101	Test thử nhanh Morphin	Phát hiện định tính nhóm chất thuốc phiện Morphine trong nước tiểu. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016 hoặc tương đương	50 test/Hộp	Test	1000

102	Que thử HBeAg	Định tính phát hiện kháng nguyên HBeAg trong huyết thanh hoặc huyết tương của người. Hoạt chất chính: Cặp kháng thể chuột kháng HBeAg. - Độ nhạy tương quan: 100% - Độ đặc hiệu tương quan: 98.8%, - Độ chính xác tương quan: 99.14%. Không bị nhiễu bởi các chất sau: Ascorbic acid 20 mg/mL, Bilirubin 1000 mg/dL, Caffeine 20 mg/dL. Không phản ứng chéo với các mẫu dương tính với: yếu tố dạng thấp (RF), HAV, Syphilis, HIV, H.pylori, CMV, Rubella.	40 test/Hộp	Test	300
103	Que thử HBsAg	Phát hiện kháng nguyên HBsAg trong huyết thanh hoặc huyết tương của người. Độ nhạy 98,4% , độ đặc hiệu $\geq 99,6\%$. Cho kết quả nhanh trong vòng 15 phút.	túi 100 test	Test	5000
104	Que thử HAV	Phát hiện và phân biệt kháng thể IgM và IgG kháng virus viêm gan A, Loại mẫu sử dụng: Huyết thanh, Huyết tương	25test/Hộp	Test	300
105	Que thử HCV	Phát hiện kháng thể kháng HCV trong huyết thanh hoặc huyết tương của người.	40 test/Hộp	Test	4000
106	Que thử HIV	- Phát hiện kháng thể kháng với HIV-1 và HIV-2 trong mẫu huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần. - Độ nhạy: 100%; Độ đặc hiệu: 99,75%. - Hàm lượng chính: Antibody Anti HIV-1, Antibody Anti HIV-2, Antigen (pGO9-CKS/XL-1) HIV-1 Group O, Antigen, (pGO11-CKS/XL-1) HIV-1 Group O, Antigen, (PjC100) HIV-2, Antigen, (pOM10/PV361) HIV-1, Antigen, (pTB319/XL-1) HIV-1, HIV-1 Peptide Antigen, HIV-2 peptide Antigen. - Cho kết quả nhanh trong vòng 15 phút, Độ ổn định của kết quả xét nghiệm tới 60 phút - Không cần sử dụng thêm bất kỳ dung dịch đệm (chase) cho mẫu máu huyết thanh, huyết tương - Sinh phẩm nằm trong Khuyến cáo phương cách xét nghiệm chẩn đoán HIV quốc gia năm 2020 của Viện vệ sinh dịch tễ trung ương.	Hộp 100 test	Test	3000
107	Test viêm loét dạ dày chủng H.Pylori	Test viêm loét dạ dày chủng H.Pylori.	Hộp 25 test	Test	4000
108	Que thử đường ruột Rotavirus	- Định tính phát hiện kháng nguyên Rotaviruts trong mẫu phân người	Hộp 100 test	Test	200
109	Quick Test Dengue NS1 Ag	Test xác định kháng nguyên Dengue vi rút NS1 ở trong huyết thanh , huyết tương và máu toàn phần của người.	Hộp 25 test	Test	1500
110	Test chẩn đoán nhanh cúm AB	Test chẩn đoán nhanh cúm A, B; Độ nhạy; 91.8%, Độ đặc hiệu: 98.9% so với phương pháp nuôi cấy vi rút và RT-PCR, Không có phản ứng chéo với 32 chủng vi khuẩn và virus đã được chứng minh Kít thử ổn định ít nhất 4 tuần khi để ở nhiệt độ $55 \pm 1^{\circ}\text{C}$.	Hộp 25 test	Test	3000
111	Test thử giang mai	Định tính phát hiện kháng thể kháng Treponema pallidum trong máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương của người.	Hộp 30 test	Test	200

112	Que thử hàm lượng Clo trong nước chạy thận nhân tạo	Thông số chung Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và ISO 13485:2016 Mục đích sử dụng: Đề đo mức độ clo thấp (chloramines/clo tự do) trong nước cấp dùng để chạy thận và cũng cho biết nồng độ Clo (chất tẩy Clo) tồn dư trong dung dịch đã sử dụng để súc rửa đường ống sau khi khử trùng thiết bị thẩm tách máu. Có thể kiểm tra nước với các nồng độ: 0, 0.1, 0.5 và 3ppm Thời gian nhúng và đọc kết quả: 30 giây	hộp 100 test	Test	200
113	Que thử độ cứng trong nước chạy thận nhân tạo	Thông số chung Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và ISO 13485:2016 Có giấy phép bán hàng của nhà sản xuất Có giấy phép lưu hành sản phẩm Thuộc phân nhóm 6 theo Thông tư số 14/2020/TT-BYT Mục đích sử dụng: Dùng để kiểm tra độ cứng của nước trong chạy thận nhân tạo hoặc hệ thống nước RO của bệnh viện. Có thể kiểm tra nước với các nồng độ: 0, 10, 25, 50 và 120ppm Không sử dụng để kiểm tra nước có độ cứng > 120 ppm. Thời gian nhúng: 1 giây Thời gian đọc kết quả: 10 giây	Lọ 50 test	Test	200
114	Que thử tồn dư Peroxide trong chạy thận nhân tạo	Thông số chung Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và ISO 13485:2016 Mục đích sử dụng: Dùng để kiểm tra nồng độ của chất khử khuẩn acid peracetic/ peroxide đã được giảm xuống mức an toàn sau khi rửa quả lọc, máy chạy thận nhân tạo hoặc hệ thống xử lý nước Có thể kiểm tra nồng độ Hydrogen Peroxide từ: 0, 1, 3, 5 và 10 ppm Không dùng Que thử để kiểm tra nồng độ Hydrogen Peroxide lớn hơn 20 ppm Thời gian nhúng: 2 giây Thời gian đọc kết quả: 15 giây	Lọ 100 test	Test	200
115	Que thử hiệu năng Peracetic Acid trong chạy thận nhân tạo	Thông số chung Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và ISO 13485:2016 Mục đích sử dụng: Dùng để thử “hiệu lực”; “hiệu năng” hoặc nồng độ của axit peracetic trong chất khử khuẩn cơ bản có chứa axit peracetic/hydrogen peroxide được dùng để khử khuẩn quả lọc Có thể kiểm tra nồng độ Peracetic Acide từ: 400, 600 và 800 ppm Thời gian nhúng: 1 giây Thời gian đọc kết quả: 10 giây	Lọ 100 test	Test	200
Nhóm 8. Phim, vật tư chụp X-Quang					
116	Phim X-quang số hóa cỡ 20x25 cm	Phim khô laser cỡ 20x25 cm tương thích máy in phim khô laser Fujifilm, hộp 150 tờ, sử dụng công nghệ Eco Dry thân thiện môi trường, phim gồm 4 lớp: lớp bảo vệ, lớp nhạy sáng, lớp phim, lớp bảo vệ. Mật độ tối đa 3.3	150 tờ/ hộp	Hộp	200
117	Phim X-quang số hóa cỡ 35x43 cm	Phim khô laser cỡ 35x43 cm tương thích máy in phim khô laser Fujifilm, hộp 100 tờ, sử dụng công nghệ Eco Dry thân thiện môi trường, phim gồm 4 lớp: lớp bảo vệ, lớp nhạy sáng, lớp phim, lớp bảo vệ. Mật độ tối đa 3.3	100 tờ/ hộp	Hộp	80

118	Phim in laser 20x25cm (8x10")	. Phim có độ phân giải cao, hình ảnh quang nhiệt, thang màu xám thích hợp cho sự thay đổi tông màu liên tục của hình ảnh y tế. Phim cung cấp khả năng chẩn đoán hình ảnh ưu việt với độ chi tiết tốt, hình ảnh sắc nét và tông màu hình ảnh tuyệt vời. Phim sử dụng làm phim chẩn đoán đa năng, ghi lại đầy đủ các hình ảnh từ nhiều phương thức khác nhau bao gồm chụp cắt lớp vi tính, chụp cắt lớp kỹ thuật số, chụp cộng hưởng từ, y học hạt nhân, siêu âm, chụp X quang thường quy, chụp X quang kỹ thuật số và hình ảnh số hóa. Phim được phủ màu xanh, hỗ trợ lớp nền 7-mil polyester, chất liệu polyester; . Phim có mật độ hình ảnh tối đa Dmax 3.0. Phim có thể để trên đèn đọc phim hơn 24h. Khả năng lưu trữ trên 100 năm. Bảo quản nhiệt độ 4-24° C, độ ẩm 30-50%RH. Tương thích với máy in phim Trimax- của hãng Carestream, sử dụng được chức năng tự động kiểm soát chất lượng hình ảnh phim(AIQC). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, FSC	125 tờ/ hộp	Hộp	240
119	Phim X-Quang 35x43 CM	. Phim có độ phân giải cao, hình ảnh quang nhiệt, thang màu xám thích hợp cho sự thay đổi tông màu liên tục của hình ảnh y tế. Phim cung cấp khả năng chẩn đoán hình ảnh ưu việt với độ chi tiết tốt, hình ảnh sắc nét và tông màu hình ảnh tuyệt vời. Phim sử dụng làm phim chẩn đoán đa năng, ghi lại đầy đủ các hình ảnh từ nhiều phương thức khác nhau bao gồm chụp cắt lớp vi tính, chụp cắt lớp kỹ thuật số, chụp cộng hưởng từ, y học hạt nhân, siêu âm, chụp X quang thường quy, chụp X quang kỹ thuật số và hình ảnh số hóa. Phim được phủ màu xanh, hỗ trợ lớp nền 7-mil polyester, chất liệu polyester; . Phim có mật độ hình ảnh tối đa Dmax 3.0. Phim có thể để trên đèn đọc phim hơn 24h. Khả năng lưu trữ trên 100 năm. Bảo quản nhiệt độ 4-24° C, độ ẩm 30-50%RH. Tương thích với máy in phim Trimax- của hãng Carestream, sử dụng được chức năng tự động kiểm soát chất lượng hình ảnh phim(AIQC). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, FSC	125 tờ/ hộp	Hộp	30
Nhóm 9. Các loại vật tư, hóa chất và đồ tiêu hao					
120	Gia ven đậm đặc	Hàm lượng NaOCl $\geq 7\%$	Can 20 lít	Lít	100
121	Mũ giấy	Nguyên liệu: vải không dệt không thấm và dây thun đôi. Kích thước mũ con sâu: Rộng 2,2 ÷ 2,5cm x dài 19÷21cm. Đường kính kéo căng: 48 cm (+/-1cm) Đặc tính vải không dệt: - Vải không dệt không hút nước 14gam/m2, chất liệu 100%PP, màu blue hoặc tùy theo yêu cầu. Đóng gói 100 cái/hộp Đạt TCVN ISO 13485:2016, ISO 9001:2015, cGMP, FDA	Hộp 100 cái	Cái	1000
122	Nước cất tiệt trùng	Dùng trong vệ sinh dụng cụ, thiết bị y tế, chạy máy.	Can 5 lít	Can	100
123	Hộp an toàn	Chất liệu bằng giấy, kích thước 5 lít	Thùng 50 cái	Cái	30
124	Gel siêu âm	Gel trong, có màu xanh lục nhạt, tan trong nước, dễ lau, cho hình ảnh rõ nét, phù hợp với máy siêu âm 2,3,4 chiều.	Can	Can	45
125	Đề lưới gỗ	Cấu tạo: Gỗ Kích thước: 150mm x 20mm x 2mm.	Thùng 50 hộp x 100 cái	Cái	5000

126	Tăm bông vô trùng	Sử dụng để lấy mẫu dịch xét nghiệm	Hộp 100 cái	Cái	2000
127	Kẹp rôn trẻ sơ sinh	Sản xuất từ chất liệu nhựa PP nguyên sinh, độ trơn láng cao. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 (TUV)	Hộp 100 cái x 30h/kiện	Cái	400
128	Bao bọc camera dùng trong thủ thuật, phẫu thuật	Thành phần gồm 2 khoản: Túi nylon không đáy 18x230cm và túi đựng bệnh phẩm 9x14cm có dây buộc. Tiệt trùng bằng EO	Bộ	Bộ	500
129	Bao cao su	Loại trơn, không gân gai	Hộp 10 cái	Cái	360
130	Đầu côn vàng	Đầu nhọn phải thẳng, không căng, vẹo, không bị ba vĩa gây tắc khi sử dụng	Túi 1000 cái	Cái	15000
131	Đầu côn xanh	Đầu nhọn phải thẳng, không căng, vẹo, không bị ba vĩa gây tắc khi sử dụng	Túi 500 cái	Cái	5000
132	Miếng dán điện cực tim	Điện cực dán sử dụng 1 lần	Túi 1 cái	Cái	30
133	Giấy in nhiệt máy siêu âm (kt: 11cm x 20m)	Kích thước: 11cm x 20m	Túi 1 cuộn	Cuộn	250
134	Dầu parafin (dạng lỏng)	Dầu không màu, không mùi, không vị.	Chai 500ml	Chai	5
135	Gel bôi trơn	Trọng lượng $\geq 82g$	Hộp 1 tuýp	Tuýp	80
136	Găng tay khám bệnh các cỡ	Sản xuất từ cao su thiên nhiên, có phủ bột chống dính. Độ dày tối thiểu: cổ tay: 0,08mm, lòng bàn tay: 0,09mm, ngón tay: 0,1mm Chiều dài tối thiểu: size XS, S, M, L, XL: 240mm Chiều rộng lòng bàn tay: size S 80 - 89mm, size M 90 - 99mm, size L 100 - 109mm, size XL 110 - 119mm. Lực gãy tối thiểu: trước lão hóa 6,0N, sau lão hóa 6,0N Sức kéo tối thiểu: trước lão hóa 650%, sau lão hóa 500% Sức căng tối thiểu: trước lão hóa 18 MPa, sau lão hóa 14MPa Lượng bột tối đa 10mg/dm ² . Lượng protein: Tối đa 200µg/dm ² .	Thùng 10 hộp x 50 đôi	Đôi	60000
137	Giấy điện tim 3 cần	Kích thước: 63mmx 30mmx17mm	Túi 10 cuộn	Cuộn	450
138	Giấy điện tim 3 cần	Kích thước 80mm x 30m x17mm	Túi 10 cuộn	Cuộn	200
139	Giấy điện tim 6 cần	Kích thước 110mm x 140mm	Thùng 180 tập	Tập	150
140	Giấy in nhiệt (58mmx30m)	Kích thước: 58mmx30m	Hộp 10 cuộn	Cuộn	350
141	Giấy monitor sản khoa	Kích thước: 152mmx90m	Hộp 5 tập	Tập	50
142	Mặt nạ khí dung các cỡ	- Mặt nạ được sản xuất từ nhựa PVC nguyên sinh, màu trắng trong, không có chất tạo màu. Có bộ khí dung. - Dây dẫn có chiều dài $\geq 2m$, lòng ống có khóa chống gập được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, màu trắng trong. Dây dẫn có khóa đảm bảo khí oxy luôn được tuần hoàn. - Thanh nhôm mềm dẻo đảm bảo giữ kín khít mặt nạ và mũi bệnh nhân. - Dây chun cố định bộ mặt nạ và đầu bệnh nhân có độ đàn hồi cao. - Các cỡ: M, L, XL. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)	Túi 1 bộ x 100 túi /kiện	Bộ	15

143	Lam kính mài	Vật liệu cấu thành: kính Loại nhám	Hộp 100 cái	Hộp	50
144	Khẩu trang y tế	Sân xuất từ vải không dệt, dạng phẳng, có nếp gấp, có lớp vi lọc, thanh nẹp mũi và dây đeo. Hiệu suất lọc không nhỏ hơn mức 90%. Trữ lực hô hấp (DP) không lớn hơn mức 9 mmH ₂ O. Giới hạn trường nhìn không lớn hơn mức 6%. Khối lượng không lớn hơn 10g. Hàm lượng Asen (As): 0.17mg/kg Hàm lượng Chì (Pb): 1.00mg/kg Hàm lượng Thủy Ngân (HG): 0.12mg/kg Hàm lượng Antinmon (SB): 0.10mg/kg Hàm lượng Cadimi (CD): 0.10mg/kg	50 cái/hộp x 50 hộp/ kiện	Cái	6000
145	Huyết áp Người lớn	- Dải đo: 20 tới 300 mmHg - Độ chính xác: ± 3 mmHg	Hộp 1 cái	Cái	15
146	Ống nghe Người lớn	Ống dẫn bằng chất liệu cao su	Hộp 1 cái	Cái	15
147	Nhiệt kế thủy ngân	Đo nhiệt độ cơ thể ở nách, hậu môn, vạch chia độ rõ nét dễ quan sát. Từ 35- 42 độ C có hộp nhựa bảo quản	Kiện 400 hộp x 1 cái	Cái	60
148	Cloramin B	Cloramin B 25%	Thùng 25kg	Kg	120
149	Ống chống đông EDTA	* Ống nghiệm nhựa PP trung tính, kích thước 12x75mm, thể tích 5ml. Nắp xanh dương. * Hóa chất bên trong là Ethylenediaminetetra Acid (EDTA) dùng kháng đông cho 2ml mẫu. * Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016. * Đạt kiểm chuẩn Eurofins chứng minh ống nghiệm nhựa chịu được lực quay ly tâm 3000 vòng/phút trong thời gian 5 phút.	Thùng 24 hộp x 100 ống	Ống	20000
150	Ống chống đông Heparin	* Ống nghiệm nhựa PP trung tính, kích thước 12x75mm, thể tích 5ml. Nắp màu đen. * Dùng xét nghiệm Ion đồ Na ⁺ , K ⁺ , Ca ²⁺ , Cl ⁻ ... trừ Li ⁺ . Ngoài ra còn sử dụng cho các xét nghiệm sinh hóa đặc biệt là NH ₃ và định lượng Alcohol trong máu. * Hóa chất bên trong là chất kháng đông Heparin Lithium, thể tích vừa đủ kháng đông cho 2ml máu.. * Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016. * Có giấy chứng nhận phân tích của Eurofins chứng minh ống nghiệm nhựa chịu được lực quay ly tâm 3000 vòng/phút trong thời gian 5 phút.	Thùng 24 hộp x 100 ống	Cái	30000
151	Ống nghiệm Natricitrat	Kích thước 12x75mm. Hóa chất bên trong là Trisodium Citrate 3.8%. Thể tích dd kháng đông 0.1ml cho ống nghiệm Citrate 1ml, dung dịch kháng đông 0,2ml cho ống nghiệm Citrate 2ml.	Thùng 24 hộp x 100 ống	Ống	1200
Nhóm 10. Oxy y tế					
152	Oxy y tế	Oxy 99,7%	Bình 40 lít	Bình	500
153	Oxy y tế	Oxy 99,7%	Bình 8 lít	Bình	30
154	Bình CO ₂	CO ₂ >99,5%	Bình 40 lít	Bình	10
Nhóm 11: Nhóm sinh phẩm y tế					
155	Bộ nhuộm Gram	Bộ thuốc nhuộm Gram dùng để nhuộm vi khuẩn, Bộ gồm: Violet, Saframin, Acid Alcool, Lugol. Bộ 4 chai ≥100ml	Hộp 1 bộ	Bộ	10
156	Huyết thanh mẫu (Ani A, Anti B, Anti AB)	Lọ 10ml. Bộ 03 lọ	Bộ 03 lọ	Bộ	30
157	Anti D	Lọ ≥ 10ml Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE	Bộ 1 lọ	Lọ	30
158	Huyết thanh mẫu Anti Globulin (Coombs)	Huyết thanh chẩn đoán để phát hiện in- vitro của lớp phủ kháng thể ở hồng cầu người	Bộ 1 lọ	Lọ	5
Nhóm 12. Các loại vật tư, hóa chất thận nhân tạo					

159	Quả lọc thận nhân tạo	- Màng lọc Polysulfone có tính tương hợp tốt với máu, tối ưu hóa hiệu quả điều trị. - Hệ số siêu lọc: 13 mL/h x mmHg - Độ thanh thải (lưu lượng máu 200mL/min): + Ure : 186 + Creatinine: 173 + Phosphate: 148 + Vitamin B12: 92 - Diện tích màng: 1,3 m² - Độ dày thành/đường kính sợi: 40/200 µm - Thể tích mỗi: 78 mL - Chất liệu màng: Polysulfone - Chất liệu vỏ: Polycarbonate - Chất liệu đầu quả lọc: Polyurethane - Phương pháp tiệt trùng: Hơi nước Inline/HD - Xuất xứ: Châu Âu	12 quả / thùng	Quả	650
160	Dây lọc máu	- Bộ dây bao gồm: Dây động mạch, dây tĩnh mạch, 1 transducer - Dây máu làm từ nhựa y tế mềm PVC, đầu kết nối và các thành phần khác làm từ PVC, PE, PP. - Dây máu ko chứa Latex. - Tiệt trùng bằng EO (Ethylene oxide) và tia Gamma - Tích hợp với các máy chạy thận của các hãng - Dây động mạch: Buồng đếm giọt: (OD: 20mm, L: 122mm); Khóa luer female Ø4.1; 2.5; đầu nối bơm Ø4.1. Ống dây chính: 4.5*6.8*800mm, 4.5*6.8*700mm, ống dây nhánh: 2.2*4.1*700mm, 2.2*4.1*100mm, 2.2*4.1*50mm. - Ống dây bơm Heparin: 1.0*2.5*600mm, phần dây bơm: 8*12*400mm, ống dây chính: 4.5*6.8*100mm - Dây tĩnh mạch: Buồng đếm giọt: (OD: 20mm, L: 122mm); Khóa luer female Ø4.1. Ống dây chính: 4.5*6.8*900mm, 4.5*6.8*1250mm, ống dây nhánh: 2.2*4.1*700mm, 2.2*4.1*100mm. - Lưu lượng dẫn máu: 163 ± 10%ml	30 bộ / thùng	Bộ	650
161	Kim chạy thận nhân tạo	- Cánh xoay hoặc cố định - kích thước 16G - chiều dài kim 25mm, ID:3.2-OD:5.0, ống dài 300mm. - Khóa Luer female - Thành ống mảnh và mượt giúp đâm xuyên dễ dàng. - Mũi kim được xử lý đặc biệt để giảm đau và giảm tổn thương da. - Đoạn ống được làm bằng nhựa y tế, không ảnh hưởng đến sức khỏe - Tiệt trùng bằng khí E.O và tia Gamma. - Tiêu chuẩn ISO 13485; EC	500 chiếc / thùng	Cái	6,000
162	Dịch lọc thận	Can 10 lít dd đậm đặc chứa: • Natri clorid: 2708.69g • Kali clorid: 67.10g • Calciclorid.2H2O: 99.24 g • Magnesi clorid.6H2O: 45.75g • Acid acetic băng: 81.00g • Glucose H2O : 494.99g • Nước tinh khiết vừa đủ: 10 lít *Tỷ lệ pha loãng khi dùng: +HD Plus 144A: 1,000 thể tích +HD Plus 8,4B: 1,575 thể tích +Nước tinh khiết: 42,425 thể tích Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE	10 lít/ can; 2 can/ thùng	Lít	10,000

163	Dịch lọc thận	Can 10 lít dd đậm đặc chứa: • Natri Bicarbonate: 840g • Dinatri Edetat. 2H ₂ O: 0.5 g • pH : 7.5 - 8.6 • Al ≤ 0.01 mg/l trên chế phẩm chưa pha loãng • Nước tinh khiết vừa đủ: 10 lít *Tỷ lệ pha loãng khi dùng: +HD Plus 144A: 1,000 thể tích +HD Plus 8,4B: 1,575 thể tích +Nước tinh khiết: 42,425 thể tích Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE	10 lít / can; 2 can / thùng	Lít	15,000
Tổng cộng: 163 mặt hàng					

